

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Triệu Ngọc H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: **khu H, xã P, huyện P, tỉnh P.**

Bị đơn: Chị **Kiều Thị Huyền T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: **khu H, xã P, huyện P, tỉnh P.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Triệu Ngọc H** và chị **Kiều Thị Huyền T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh **Triệu Ngọc H** và chị **Kiều Thị Huyền T** thống nhất xác nhận có 01 con chung là cháu **Triệu Khánh N**, sinh ngày 14/12/2015. Khi ly hôn anh **Triệu Ngọc H** và chị **Kiều Thị Huyền T** thống nhất thỏa thuận, anh **H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu **Triệu Khánh N**, sinh ngày 14/12/2015 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự túc được.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **H** vì anh **H** tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh **Triệu Ngọc H** và chị **Kiều Thị Huyền T** thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh **Triệu Ngọc H** tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận anh **H** đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001200 ngày 06/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho anh **H** số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phạm Việt Hưng